

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
Năm học 2023 - 2024

Biểu mẫu 09

Nội dung	Chia theo khối lớp			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I. Điều kiện tuyển sinh	* <u>Tuyển sinh đầu cấp :</u> - Độ tuổi : 11 - 14 - Hoàn thành chương trình tiểu học - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ : + Đơn xin xét tuyển, + Bản chính học bạ TH, + Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH, + Bản sao khai sinh hợp lệ .	* <u>Tiếp nhận HS chuyển đến:</u> - Độ tuổi : 12 – 15 - Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ : + Đơn xin chuyển trường, + Bản sao khai sinh hợp lệ, + Bản chính Học bạ THCS, + Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH, + Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi, + Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương .	* <u>Tiếp nhận HS chuyển đến:</u> - Độ tuổi : 13 – 16 - Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ : + Đơn xin chuyển trường, + Bản sao khai sinh hợp lệ, + Bản chính Học bạ THCS, + Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH, + Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi, + Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương .	* <u>Tiếp nhận HS chuyển đến:</u> - Độ tuổi : 14 – 17 - Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ : + Đơn xin chuyển trường, + Bản sao khai sinh hợp lệ, + Bản chính Học bạ THCS, + Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH, + Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi, + Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương .
II. Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện 35 tuần thực học + HKI : 18 tuần + HKII : 17 tuần - Thực hiện theo khung chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.	- Thực hiện 35 tuần thực học + HKI : 18 tuần + HKII : 17 tuần - Thực hiện theo khung chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.	- Thực hiện 35 tuần thực học + HKI : 18 tuần + HKII : 17 tuần - Thực hiện theo khung chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.	- Thực hiện 35 tuần thực học + HKI : 18 tuần + HKII : 17 tuần - Thực hiện theo khung phân phối chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định .

	- Chương trình nhà trường: Dạy tin học theo chuẩn quốc tế (IC3); Kỹ năng sống.	- Chương trình nhà trường: Dạy tin học theo chuẩn quốc tế (IC3); Kỹ năng sống.	- Chương trình nhà trường: Dạy tin học theo chuẩn quốc tế (IC3); Kỹ năng sống.	
III. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	* <u>Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS :</u> - Hợp PHHS định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, cuối HKI, cuối năm) - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại: + Liên lạc bằng điện thoại, + Gặp trực tiếp gia đình HS khi cần thiết, + Gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ * <u>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</u> - Chăm chỉ, chuyên cần. - Tích cực trong giờ học. - Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.	* <u>Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS :</u> - Hợp PHHS định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, cuối HKI, cuối năm) - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại: + Liên lạc bằng điện thoại, + Gặp trực tiếp gia đình HS khi cần thiết, + Gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ * <u>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</u> - Chăm chỉ, chuyên cần. - Tích cực trong giờ học. - Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.	* <u>Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS :</u> - Hợp PHHS định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, cuối HKI, cuối năm) - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại: + Liên lạc bằng điện thoại, + Gặp trực tiếp gia đình HS khi cần thiết, + Gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ * <u>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</u> - Chăm chỉ, chuyên cần. - Tích cực trong giờ học. - Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.	* <u>Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS :</u> - Hợp PHHS định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, cuối HKI, cuối năm) - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại: + Liên lạc bằng điện thoại, + Gặp trực tiếp gia đình HS khi cần thiết, + Gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ * <u>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</u> - Chăm chỉ, chuyên cần. - Tích cực trong giờ học. - Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.
IV. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	* <u>Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa cho HS:</u> - Hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp (theo chương trình môn học của chương trình giáo dục phổ thông 2018). - Tổ chức các hoạt động	* <u>Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa cho HS :</u> - Hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp (theo chương trình môn học của chương trình giáo dục phổ thông 2018). - Tổ chức các hoạt động	* <u>Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa cho HS :</u> - Hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp (theo chương trình môn học của chương trình giáo dục phổ thông 2018). - Tổ chức các hoạt động	* <u>Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa cho HS :</u> - Hoạt động GDNGLL (theo kế hoạch chung của nhà trường). - Tổ chức các hoạt động VHVNTDTT nhân các ngày lễ - Thành lập các CLB , đội- nhóm - Hoạt động giáo dục hướng

	VHVNTDĐT nhân các ngày lễ - Thành lập các CLB, đội- nhóm - Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	VHVNTDĐT nhân các ngày lễ - Thành lập các CLB, đội- nhóm. - Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.	VHVNTDĐT nhân các ngày lễ - Thành lập các CLB, đội- nhóm. - Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	nghịệp + HS được tham gia sinh hoạt hướng nghiệp 9 tiết/năm; tham quan hướng nghiệp 1 lần/năm ; được tư vấn hướng nghiệp, phân luồng sau TN.THCS; tư vấn tuyển sinh vào lớp 10.																																																																																
V. Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS : <table border="1"> <tr> <td></td><td>T</td><td>K</td><td>Đ</td><td>Cđ</td></tr> <tr> <td>Rèn luyện</td><td>85.0</td><td>10.0</td><td>5.0</td><td>0.0</td></tr> <tr> <td>Học tập</td><td>40.0</td><td>40.0</td><td>19.0</td><td>1.0</td></tr> <tr> <td colspan="3">Lên lớp thẳng</td><td colspan="2">99.0</td></tr> </table>		T	K	Đ	Cđ	Rèn luyện	85.0	10.0	5.0	0.0	Học tập	40.0	40.0	19.0	1.0	Lên lớp thẳng			99.0		* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS : <table border="1"> <tr> <td></td><td>T</td><td>K</td><td>Đ</td><td>Cđ</td></tr> <tr> <td>Rèn luyện</td><td>85.0</td><td>10.0</td><td>5.0</td><td>0.0</td></tr> <tr> <td>Học tập</td><td>40.0</td><td>40.0</td><td>19.0</td><td>1.0</td></tr> <tr> <td colspan="3">Lên lớp thẳng</td><td colspan="2">99.0</td></tr> </table>		T	K	Đ	Cđ	Rèn luyện	85.0	10.0	5.0	0.0	Học tập	40.0	40.0	19.0	1.0	Lên lớp thẳng			99.0		* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS : <table border="1"> <tr> <td></td><td>T</td><td>K</td><td>Đ</td><td>Cđ</td></tr> <tr> <td>Rèn luyện</td><td>80.0</td><td>15.0</td><td>5.0</td><td>0.0</td></tr> <tr> <td>Học tập</td><td>40.0</td><td>40.0</td><td>19.0</td><td>1.0</td></tr> <tr> <td colspan="3">Lên lớp thẳng</td><td colspan="2">99.0</td></tr> </table>		T	K	Đ	Cđ	Rèn luyện	80.0	15.0	5.0	0.0	Học tập	40.0	40.0	19.0	1.0	Lên lớp thẳng			99.0		* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS: <table border="1"> <tr> <td></td><td>T</td><td>K</td><td>TB</td><td>Y</td></tr> <tr> <td>Hạnh kiểm</td><td>85.0</td><td>10.0</td><td>5.0</td><td>0.0</td></tr> <tr> <td>Học lực</td><td>40.0</td><td>40.0</td><td>19.0</td><td>1.0</td></tr> <tr> <td colspan="3">Xét TN.THCS</td><td colspan="2">100.0</td></tr> </table>		T	K	TB	Y	Hạnh kiểm	85.0	10.0	5.0	0.0	Học lực	40.0	40.0	19.0	1.0	Xét TN.THCS			100.0	
	T	K	Đ	Cđ																																																																																
Rèn luyện	85.0	10.0	5.0	0.0																																																																																
Học tập	40.0	40.0	19.0	1.0																																																																																
Lên lớp thẳng			99.0																																																																																	
	T	K	Đ	Cđ																																																																																
Rèn luyện	85.0	10.0	5.0	0.0																																																																																
Học tập	40.0	40.0	19.0	1.0																																																																																
Lên lớp thẳng			99.0																																																																																	
	T	K	Đ	Cđ																																																																																
Rèn luyện	80.0	15.0	5.0	0.0																																																																																
Học tập	40.0	40.0	19.0	1.0																																																																																
Lên lớp thẳng			99.0																																																																																	
	T	K	TB	Y																																																																																
Hạnh kiểm	85.0	10.0	5.0	0.0																																																																																
Học lực	40.0	40.0	19.0	1.0																																																																																
Xét TN.THCS			100.0																																																																																	
VI. Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- 100% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 7	- 100% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 8	- 100% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 9	- 70% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 10 - 30% học sinh học nghề, trung cấp nghề																																																																																

Vĩnh Lộc A, ngày 01 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Hữu Lễ